

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét**

**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019**



# MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
2	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
3	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	9
	<i>Bàn thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất</i>	10 - 28

## CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019.

#### **1. Thông tin chung**

Công ty cổ phần X20 được chuyển đổi cổ phần hóa từ Công ty 20 trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0100109339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03/01/2017.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Sản xuất giày dép; Máy trang phục (trừ trang phục lông thú); Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại; Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược; Sản xuất dao, kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng; Sản xuất thảm, chăn đệm; Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện và các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, sản xuất phao cứu sinh, sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác; Sản xuất áo amiăng; Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại khác; Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sản phẩm cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác...; Sản xuất bàn chải giấy, quần áp; Sản xuất găng tay; Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ; Sản xuất các nút, khóa ấn, khóa móc, khóa trượt; Sản xuất tẩu hút xì gà; Sản xuất các sản phẩm dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, bút kẻ lông mày; Hoạt động nhồi bông thú; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn tổng hợp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Dịch vụ đào tạo lao động ngành dệt, nhuộm, may và cung ứng lao động; Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ tác quyền tác giả và giống cây trồng; Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo; Kinh doanh siêu thị, hệ thống cửa hàng; Đại lý kinh doanh xăng dầu và chất đốt; Kinh doanh thùng, hòm hộp, bao gói sản phẩm các loại phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị đồ dùng gia đình, trang thiết bị, đồ dùng văn phòng; Kinh doanh các mặt hàng nông sản, thủy sản, hải sản, lâm sản các loại; Kinh doanh các mặt hàng thủ công, mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành dệt, nhuộm, may; Dịch vụ tư vấn quản lý và kỹ thuật trong ngành dệt, nhuộm và may; Kinh doanh ô tô, xe máy; Kinh doanh hàng dệt, nhuộm, may, nguyên phụ liệu hàng dệt, nhuộm, may./.

Trụ sở chính của Công ty số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 172.500.000.000 đồng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

# **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

## **2. Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2019 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

### **Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm**

Ông Phạm Văn Đô	Chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Hà Chí Khoa	Thành viên HĐQT
Bà Dương Thị Thu Hòa	Thành viên HĐQT
Ông Chu Văn Đệ	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Lan Phương	Thành viên HĐQT
Bà Phan Vũ Thúy Anh	Thành viên HĐQT

### **Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm**

Ông Hoàng Sỹ Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Hà Chí Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc

## **3. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 của Công ty.

## **4. Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính hợp nhất**

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

**5. Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất *at*

Thay mặt Hội đồng quản trị *Ucar*



**Phạm Văn Đô**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2019



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International

**PKF**  
Accountants &  
business advisers

Số: 053/2019/BCSX.HN-PB.00163

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty cổ phần X20**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần X20 (sau đây gọi là “Công ty”), được lập ngày 26 tháng 8 năm 2019, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần X20 tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**PHẠM TUẤN VŨ**

**Phó Giám đốc**

Giấy CNDKHNKT số 2030-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>366.883.345.567</b>	<b>683.956.149.485</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>13.131.815.465</b>	<b>35.146.809.670</b>
1. Tiền	111		13.131.815.465	32.646.809.670
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>112.443.966.999</b>	<b>347.444.063.041</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	72.951.600.735	328.184.874.540
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		26.300.787.722	8.946.652.223
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	13.191.578.542	10.312.536.278
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>237.033.261.409</b>	<b>300.889.293.662</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	237.086.249.140	300.942.281.393
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(52.987.731)	(52.987.731)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.274.301.694</b>	<b>475.983.112</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05.a	959.670.572	475.983.112
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.955.667.747	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		358.963.375	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>253.486.244.440</b>	<b>261.960.609.975</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>216.243.007.555</b>	<b>224.683.225.515</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	210.937.982.192	219.330.613.336
- Nguyên giá	222		411.535.653.227	407.997.371.914
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(200.597.671.035)	(188.666.758.578)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	5.305.025.363	5.352.612.179
- Nguyên giá	228		11.671.306.347	11.671.306.347
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.366.280.984)	(6.318.694.168)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>31.722.363.921</b>	<b>31.809.144.167</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	31.722.363.921	31.809.144.167
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.09	<b>1.659.000.000</b>	<b>1.659.000.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.659.000.000	1.659.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.861.872.964</b>	<b>3.809.240.293</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05.b	3.861.872.964	3.809.240.293
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>620.369.590.007</b>	<b>945.916.759.460</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			VND	VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>380.348.595.702</b>	<b>690.190.388.743</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>367.088.768.323</b>	<b>689.192.388.743</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	102.964.448.718	270.264.957.284
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.470.201.290	27.197.842.431
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	3.584.766.903	11.537.227.450
4. Phải trả người lao động	314		26.034.286.905	51.891.821.612
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	16.864.658.067	3.459.796.148
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		82.683.957.988	143.619.405.634
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	13.235.303.657	49.000.759.596
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	114.964.087.300	128.168.219.186
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	2.438.118.707
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.287.057.495	1.614.240.695
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.259.827.379</b>	<b>998.000.000</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337		998.000.000	998.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	12.261.827.379	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>240.020.994.305</b>	<b>255.726.370.717</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>240.020.994.305</b>	<b>255.726.370.717</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.500.000.000	172.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		172.500.000.000	172.500.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.997.798.914	56.963.064.934
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.523.195.391	26.263.305.783
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.252.414.121	2.360.517.121
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.270.781.270	23.902.788.662
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>620.369.590.007</b>	<b>945.916.759.460</b>



Phạm Văn Đô  
 Chủ tịch HĐQT  
 Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2019

Phan Vũ Thúy Anh  
 Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thùy Linh  
 Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2019	2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	392.015.568.338	422.099.329.863
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		392.015.568.338	422.099.329.863
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.17	337.570.396.421	370.032.853.630
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		54.445.171.917	52.066.476.233
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	494.380.833	1.181.777.142
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	3.464.337.336	259.328.886
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.955.662.550	202.514.961
8. Chi phí bán hàng	25	VI.20	9.136.917.851	8.966.944.057
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.20	32.330.036.776	32.099.974.114
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.008.260.787	11.922.006.318
11. Thu nhập khác	31	VI.21	870.175.650	256.813.562
12. Chi phí khác	32	VI.22	1.071.775.468	43.692.116
13. Lợi nhuận khác	40		(201.599.818)	213.121.446
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.806.660.969	12.135.127.764
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.23	1.535.879.699	1.204.741.314
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.270.781.270	10.930.386.450
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.24	350	475



Phạm Văn Đô  
 Chủ tịch HĐQT  
 Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2019

Phan Vũ Thúy Anh  
 Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thùy Linh  
 Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2019 VND	2018 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>9.806.660.969</b>	<b>12.135.127.764</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
+ Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12.125.685.938	9.377.962.661
+ Các khoản dự phòng	03	-	(467.668.953)
+ (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá	04	-	-
+ (Lãi) hoạt động đầu tư	05	(747.505.833)	(1.181.777.142)
+ Chi phí lãi vay	06	2.955.662.550	202.514.961
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>24.140.503.624</b>	<b>20.066.159.291</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	231.685.464.920	82.973.382.919
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	63.239.399.159	69.559.991.052
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(330.974.320.518)	(156.367.801.807)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(536.320.131)	1.434.461.224
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.955.662.550)	(202.514.961)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.413.993.240)	(3.851.708.997)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	155.804.743
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(19.814.928.736)</b>	<b>13.767.773.464</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.005.266.795)	(6.321.654.435)
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	747.505.833	1.181.777.142
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.257.760.962)</b>	<b>(5.139.877.293)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	174.822.421.971	7.045.584.306
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(175.764.726.478)	(28.734.529.547)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(942.304.507)</b>	<b>(21.688.945.241)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(22.014.994.205)</b>	<b>(13.061.049.070)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>35.146.809.670</b>	<b>75.505.746.726</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>13.131.815.465</b>	<b>62.444.697.656</b>



**Phạm Văn Đô**  
**Chủ tịch HĐQT**  
 Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2019

**Phan Vũ Thúy Anh**  
**Kế toán trưởng**

**Hoàng Thị Thùy Linh**  
**Người lập**

## CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty cổ phần X20 được chuyển đổi cổ phần hóa từ Công ty 20 trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0100109339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03/01/2017.

Trụ sở chính của Công ty số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 172.500.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng). Cơ cấu vốn như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Vốn góp nhà nước	12.371.190	123.711.900.000	71,72 %
Công ty cổ phần đầu tư Cái Mép	500.000	5.000.000.000	2,9%
Vốn góp của cổ đông khác	4.378.810	43.788.100.000	25,38 %
<b>Cộng</b>	<b>17.250.000</b>	<b>172.500.000.000</b>	<b>100,00%</b>

#### 2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Sản xuất giày dép; May trang phục (trừ trang phục lông thú); Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tét bện; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại; Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược; Sản xuất dao, kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng; Sản xuất thảm, chăn đệm; Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện và các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, sản xuất phao cứu sinh, sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác; Sản xuất áo amiăng; Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại khác; Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sản phẩm cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác...; Sản xuất bàn chải giấy, quần áp; Sản xuất găng tay; Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ; Sản xuất các nút, khóa ấn, khóa móc, khóa trượt; Sản xuất tẩu hút xì gà; Sản xuất các sản phẩm dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, bút kẻ lông mày; Hoạt động nhồi bông thú; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn tổng hợp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

- Dịch vụ đào tạo lao động ngành dệt, nhuộm, may và cung ứng lao động; Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ tác quyền tác giả và giống cây trồng; Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo; Kinh doanh siêu thị, hệ thống cửa hàng; Đại lý kinh doanh xăng dầu và chất đốt; Kinh doanh thùng, hòm hộp, bao gói sản phẩm các loại phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị đồ dùng gia đình, trang thiết bị, đồ dùng văn phòng; Kinh doanh các mặt hàng nông sản, thủy sản, hải sản, lâm sản các loại; Kinh doanh các mặt hàng thủ công, mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành dệt, nhuộm, may; Dịch vụ tư vấn quản lý và kỹ thuật trong ngành dệt, nhuộm và may; Kinh doanh ô tô, xe máy; Kinh doanh hàng dệt, nhuộm, may, nguyên phụ liệu hàng dệt, nhuộm, may./.

## CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

### 3. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 30/6/2019, Công ty có các Công ty con và các đơn vị trực thuộc sau:

\* *Các Công ty con*

Tên	Vốn điều lệ	Vốn thực góp tại 30/6/2019	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	8.000.000.000	8.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	9.500.000.000	9.500.000.000	100%
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	38.235.835.186	38.235.835.186	100%

\* *Các đơn vị thành viên của Công ty*

- Xí nghiệp thương mại
- Xí nghiệp may 3
- Xí nghiệp đo may quân đội

\* *Công ty liên doanh, liên kết*

- Công ty cổ phần 199 - Tỷ lệ sở hữu vốn 33,4%

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

*Chế độ kế toán áp dụng:*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

*Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:*

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

#### 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

#### 2. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### 3. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 4. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

### 5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

### 6. GHI NHẬN DOANH THU

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch giao hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### 7. THUẾ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

# **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

---

## **8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

### **Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

### **Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

### **Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## **9. BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	3.097.125.690	4.495.301.623
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.034.689.775	28.151.508.047
Các khoản tương đương tiền	-	2.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.131.815.465</b>	<b>35.146.809.670</b>

**2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>72.951.600.735</b>	<b>328.184.874.540</b>
- Cục Quân nhu	17.533.554.455	269.181.213.743
- Công ty TNHH Thịnh Vượng Toàn Cầu	1.814.025.000	1.814.025.000
- Poongshin Co., LTD	2.329.418.449	4.939.960.407
- PRO SPORT (HK) LIMITED	2.846.143.781	10.097.884.617
- YOUNGONE CORPORATION	3.371.172.445	-
- CK DIAZ GENERAL MERCHANDISE	2.542.878.454	4.970.997.369
- UNIAO SUPRIMENTOS MILITARES LTDA	4.897.889.162	-
- EP	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	37.616.518.989	37.180.793.404

**3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>13.191.578.542</b>	-	<b>10.312.536.278</b>	-
- Phải thu khác	10.618.327.929	-	9.366.310.942	-
- Tạm ứng	2.570.597.753	-	939.087.537	-
- Bảo hiểm xã hội	2.652.860	-	3.482.001	-
- Bảo hiểm y tế	-	-	2.780.198	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	875.600	-

**4. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	41.511.746.289	(52.987.731)	72.596.953.854	(52.987.731)
Công cụ, dụng cụ	646.294.956	-	496.708.556	-
Chi phí SXKD dở dang	119.572.258.591	-	136.453.299.650	-
Thành phẩm	65.636.336.747	-	82.116.964.004	-
Hàng hóa	9.653.993.149	-	9.197.004.612	-
Hàng gửi bán	65.619.408	-	81.350.717	-
<b>Cộng</b>	<b>237.086.249.140</b>	<b>(52.987.731)</b>	<b>300.942.281.393</b>	<b>(52.987.731)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>959.670.572</b>	<b>475.983.112</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	959.670.572	475.983.112
<b>b. Dài hạn</b>	<b>3.861.872.964</b>	<b>3.809.240.293</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	3.861.872.964	3.809.240.293

**6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Chi tiết xem tại phụ lục số 01 đính kèm)****7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng	Phần mềm kế	TSCĐ vô hình	Cộng
	đất	toán	khác	
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số đầu năm	9.504.466.000	263.367.720	1.903.472.627	11.671.306.347
Số cuối kỳ	9.504.466.000	263.367.720	1.903.472.627	11.671.306.347
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
Số đầu năm	5.912.566.000	263.367.720	142.760.448	6.318.694.168
- Khấu hao trong năm	-	-	47.586.816	47.586.816
- Giảm khác	-	-	-	-
Số cuối kỳ	5.912.566.000	263.367.720	190.347.264	6.366.280.984
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số đầu năm	3.591.900.000	-	1.760.712.179	5.352.612.179
Số cuối kỳ	3.591.900.000	-	1.713.125.363	5.305.025.363

**8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>				-
Nhà xưởng XN dệt Nam Định	30.629.404.649	30.629.404.649	30.629.404.649	30.629.404.649
Dự án xây dựng cải tạo khác	1.092.959.272	1.092.959.272	1.179.739.518	1.179.739.518
<b>Cộng</b>	<b>31.722.363.921</b>	<b>31.722.363.921</b>	<b>31.809.144.167</b>	<b>31.809.144.167</b>

**9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Chi tiết xem tại phụ lục số 02 đính kèm)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>102.964.448.718</b>	<b>102.964.448.718</b>	<b>270.264.957.284</b>	<b>270.264.957.284</b>
- Công ty CP đầu tư và xây lắp Thành An 386	4.805.236.201	4.805.236.201	5.805.236.201	5.805.236.201
- Công ty cổ phần 22	480.108.080	480.108.080	3.480.108.080	3.480.108.080
- Công ty TNHH dệt may Hoàng Hà	-	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	11.763.235.187	11.763.235.187	112.639.894.178	112.639.894.178
- Công ty TNHH một thành viên dệt may 7	20.927.783.503	20.927.783.503	19.829.327.832	19.829.327.832
- Công ty TNHH SX và KD nguyên liệu may VN	2.344.884.206	2.344.884.206	10.735.011.625	10.735.011.625
- Phải trả khác	62.643.201.541	62.643.201.541	117.775.379.368	117.775.379.368

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số cuối kỳ	
	Giá trị VND	Số đầu năm VND	Giá trị VND	Số phải nộp trong năm VND	Giá trị VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Giá trị VND	Số cuối kỳ VND
<b>a. Thuế và các khoản phải nộp</b>	<b>11.537.227.450</b>	<b>11.537.227.450</b>	<b>8.099.239.181</b>	<b>16.051.699.728</b>	<b>16.051.699.728</b>	<b>3.584.766.903</b>	<b>3.584.766.903</b>	
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	8.473.300.990	8.473.300.990	5.968.739.142	11.385.160.543	11.385.160.543	3.056.879.589	3.056.879.589	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.031.156.606	3.031.156.606	1.535.879.699	4.055.029.865	4.055.029.865	512.006.440	512.006.440	
- Thuế thu nhập cá nhân	32.769.854	32.769.854	373.312.740	390.201.720	390.201.720	15.880.874	15.880.874	
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	206.307.600	206.307.600	206.307.600	-	-	
- Các loại thuế khác	-	-	15.000.000	15.000.000	15.000.000	-	-	
<b>b. Thuế và các khoản phải thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>358.963.375</b>	<b>358.963.375</b>	<b>358.963.375</b>	<b>358.963.375</b>	
- Thuế TNDN	-	-	-	358.963.375	358.963.375	358.963.375	358.963.375	

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>16.864.658.067</b>	<b>3.459.796.148</b>
- Tiền thuê đất Quốc phòng	1.699.929.127	-
- Trích trước tiền lương nghỉ phép	2.027.887.087	3.167.966.376
Trích trước tiền điện phải trả	106.876.765	251.579.598
Chi phí trích trước khác	658.775.088	40.250.174
- Tiền cổ tức phải trả trên phần vốn NN	12.371.190.000	-
<b>Cộng</b>	<b>16.864.658.067</b>	<b>3.459.796.148</b>

**13. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>13.235.303.657</b>	<b>49.000.759.596</b>
- Kinh phí công đoàn	1.569.221.291	1.646.960.231
- Bảo hiểm xã hội	1.186.771.616	111.950.333
- Bảo hiểm y tế	103.929.011	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	30.284.366	-
- Nhận ký quỹ, ký cược	189.088.000	54.008.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.156.009.373	47.187.841.032
+ <i>Cổ tức còn phải trả</i>	65.155.176	65.155.176
+ <i>Tiền ốm đau thai sản chi hộ</i>	213.021.500	-
+ <i>Tiền ăn giữa ca chưa chi</i>	486.705.000	-
+ <i>Vật tư nhập kho chưa có HĐ GTGT</i>	7.344.236.357	41.640.113.486
+ <i>Tiền thu quỹ ủng hộ chưa nộp cấp trên</i>	-	296.264.026
+ <i>Phải trả đối tượng khác</i>	2.046.971.340	5.186.308.344
<b>b) Dài hạn</b>	<b>998.000.000</b>	<b>998.000.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	998.000.000	998.000.000
<b>Cộng</b>	<b>14.233.303.657</b>	<b>49.998.759.596</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

**14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

TT	Nội dung	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>		<b>114.964.087.300</b>	<b>114.964.087.300</b>	<b>128.168.219.186</b>	<b>128.168.219.186</b>
-	Cục tài chính Bộ quốc phòng	-	-	71.914.267.250	71.914.267.250
-	Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nam Định <sup>(1)</sup>	20.633.062.653	20.633.062.653	1.076.756.631	1.076.756.631
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam <sup>(2)</sup>	6.200.000.000	6.200.000.000	8.058.027.526	8.058.027.526
-	Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long <sup>(3)</sup>	88.131.024.647	88.131.024.647	47.119.167.779	47.119.167.779
<b>b) Vay dài hạn</b>		<b>12.261.827.379</b>	<b>12.261.827.379</b>	-	-
-	Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nam Định <sup>(4)</sup>	11.394.328.000	11.394.328.000	-	-
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thành Nam <sup>(5)</sup>	867.499.379	867.499.379	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>127.225.914.679</b>	<b>127.225.914.679</b>	<b>128.168.219.186</b>	<b>128.168.219.186</b>

(1) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh Nam Định theo hợp đồng tín dụng số 15519.19.775.338315.TD ngày 08/05/2019. Hạn mức cho vay là tối đa 35.000.000.000 VNĐ, thời hạn vay và lãi suất theo từng lần giải ngân với mục đích Cho vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(2) - Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN chi nhánh Thành Nam theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/9976605/HĐTD ngày 28/02/2019. Số tiền vay là 3.000.000.000 VNĐ, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 8%/năm với mục đích thanh toán tiền hàng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN chi nhánh Thành Nam theo hợp đồng tín dụng số 02/2019/9976605/HĐTD ngày 23/04/2019. Số tiền vay là 2.200.000.000 VNĐ, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 8%/năm với mục đích thanh toán tiền hàng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN chi nhánh Thành Nam theo hợp đồng tín dụng số 03/2019/9976605/HĐTD ngày 26/04/2019. Số tiền vay là 1.000.000.000 VNĐ, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 8%/năm với mục đích thanh toán tiền hàng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(3) Hợp đồng cấp tín dụng Số: 45516.18.054.5124.TD ngày 24/12/2018 và văn bản sửa đổi hợp đồng cấp tín dụng số 45516.18.054.5124.TD.PL ngày 31/03/2019, hạn mức vay 100 tỷ đồng, Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay không quá 07 tháng, lãi suất theo từng kế ước nhận nợ.

(4) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh Nam Định theo hợp đồng tín dụng số 4186.19.775.338315.TD ngày 31/01/2019. Số tiền vay là tối đa 12.358.528.000 VNĐ, thời hạn vay tối đa 60 tháng, lãi suất theo từng lần giải ngân với mục đích cho vay đầu tư mới máy móc thiết bị phục vụ mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

(5) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN chi nhánh Thành Nam theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/9976605/HĐTD ngày 10/05/2018. Số tiền vay là 1.784.999.370 VNĐ, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 8%/năm với mục đích mua đầu tư máy chế bản phim và các linh kiện phục vụ hoạt động SX kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU****15.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2019</b>	<b>172.500.000.000</b>	<b>56.963.064.934</b>	<b>26.263.305.783</b>	<b>255.726.370.717</b>
- Lãi trong năm nay	-	-	8.270.781.270	8.270.781.270
- Trích lập các quỹ	-	34.733.980	-	34.733.980
- Chi trả cổ tức <sup>(1)</sup>	-	-	17.250.000.000	17.250.000.000
- Phân phối lợi nhuận <sup>(1)</sup>	-	-	6.760.891.662	6.760.891.662
<b>30/6/2019</b>	<b>172.500.000.000</b>	<b>56.997.798.914</b>	<b>10.523.195.391</b>	<b>240.020.994.305</b>

<sup>(1)</sup> Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 25/4/2019.

**15.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Cổ đông	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Vốn Nhà nước	123.711.900.000	123.711.900.000
- Công ty cổ phần đầu tư Cái Mép	5.000.000.000	5.000.000.000
- Vốn góp của cổ đông khác	43.788.100.000	43.788.100.000
<b>Cộng</b>	<b>172.500.000.000</b>	<b>172.500.000.000</b>

**15.3 CỔ PHIẾU**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.250.000	17.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.250.000	17.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.250.000	17.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	385.668.897.479	416.573.618.051
- Doanh thu dịch vụ đã cung cấp	6.346.670.859	5.525.711.812
<b>Cộng</b>	<b>392.015.568.338</b>	<b>422.099.329.863</b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
- Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	335.589.996.292	369.249.686.250
- Giá vốn dịch vụ	1.980.400.129	783.167.380
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng</b>	<b>337.570.396.421</b>	<b>370.032.853.630</b>

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	168.805.197	981.816.585
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	238.680.000	199.080.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	86.895.636	880.557
<b>Cộng</b>	<b>494.380.833</b>	<b>1.181.777.142</b>

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
- Chi phí lãi vay	2.955.662.550	202.514.961
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	38.167.585	56.813.925
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	470.507.201	-
<b>Cộng</b>	<b>3.464.337.336</b>	<b>259.328.886</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

**20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
<b>a. Chi phí bán hàng</b>	<b>9.136.917.851</b>	<b>8.966.944.057</b>
- Chi phí nhân công	1.293.185.832	685.264.136
- Chi phí vật liệu, bao bì	1.778.209.213	2.169.908.119
- Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.495.350	3.392.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	31.699.739	13.634.106
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.545.844.536	4.867.185.041
- Chi phí khác bằng tiền	1.486.483.181	1.227.560.655
<b>b. Chi phí quản lý</b>	<b>32.330.036.776</b>	<b>32.099.974.114</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	733.842.761	2.442.792.812
- Chi phí nhân công	18.763.115.943	15.758.362.283
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.220.207.965	1.940.664.171
- Thuế, phí, lệ phí	1.066.648.209	732.516.104
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.464.182.645	3.327.947.382
- Chi phí khác bằng tiền	7.082.039.253	7.897.691.362

**21. THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
- Tiền cho thuê nhà công vụ	182.308.180	180.527.185
- Thanh lý tài sản	587.066.667	-
- Thu nhập khác	100.800.803	76.286.377
<b>Cộng</b>	<b>870.175.650</b>	<b>256.813.562</b>

**22. CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
- Các khoản phạt, truy thu thuế	3.241.295	24.500.000
- Chi phí thanh lý tài sản	914.814.078	-
- Chi phí khác	153.720.095	19.192.116
	<b>1.071.775.468</b>	<b>43.692.116</b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.535.879.699	1.204.741.314
<b>Cộng</b>	<b>1.535.879.699</b>	<b>1.204.741.314</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.270.781.270	10.930.386.450
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các khoản điều chỉnh giảm	2.233.110.943	2.732.596.613
- Phân bổ quỹ khen thưởng phúc lợi	2.233.110.943	2.732.596.613
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	6.037.670.327	8.197.789.837
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	17.250.000	17.250.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>350</b>	<b>475</b>
(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	135.756.585.380	139.102.084.692
Chi phí nhân công	114.664.264.085	103.438.016.970
Khấu hao tài sản cố định	12.125.685.940	10.868.329.307
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.815.892.650	66.331.134.008
Chi phí bằng tiền khác	12.842.726.333	13.179.915.452
<b>Cộng</b>	<b>344.205.154.388</b>	<b>332.919.480.429</b>

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.8.



**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.131.815.465	35.146.809.670
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	86.143.179.277	338.497.410.818
Đầu tư dài hạn	1.659.000.000	1.659.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100.933.994.742</b>	<b>375.303.220.488</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	127.225.914.679	128.168.219.186
Phải trả người bán và phải trả khác	114.307.546.091	318.504.806.316
Chi phí phải trả	16.864.658.067	3.459.796.148
<b>Cộng</b>	<b>258.398.118.837</b>	<b>450.132.821.650</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>(157.464.124.095)</b>	<b>(74.829.601.162)</b>

Tại ngày 30/6/2019 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1-5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Các khoản vay	114.964.087.300	12.261.827.379	127.225.914.679
Phải trả người bán và phải trả khác	113.309.546.091	998.000.000	114.307.546.091
Chi phí phải trả	16.864.658.067	-	16.864.658.067
<b>Cộng</b>	<b>245.138.291.458</b>	<b>13.259.827.379</b>	<b>258.398.118.837</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Các khoản vay	128.168.219.186	-	128.168.219.186
Phải trả người bán và phải trả khác	317.506.806.316	998.000.000	318.504.806.316
<b>Cộng</b>	<b>449.134.821.650</b>	<b>998.000.000</b>	<b>450.132.821.650</b>

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1-5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.131.815.465	-	13.131.815.465
Phải thu khách hàng và phải thu khác	86.143.179.277	-	86.143.179.277
Đầu tư dài hạn	-	1.659.000.000	1.659.000.000
<b>Cộng</b>	<b>99.274.994.742</b>	<b>1.659.000.000</b>	<b>100.933.994.742</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.146.809.670	-	35.146.809.670
Phải thu khách hàng và phải thu khác	338.497.410.818	-	338.497.410.818
Đầu tư dài hạn	-	1.659.000.000	1.659.000.000
<b>Cộng</b>	<b>373.644.220.488</b>	<b>1.659.000.000</b>	<b>375.303.220.488</b>

Hội đồng quản trị đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

**27. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng khu vực địa lý mà không có sự khác biệt về điều kiện sản xuất kinh doanh và loại hình kinh doanh dịch vụ là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

**28. BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc:

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
<b>Thu nhập của HĐQT, BKS và ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2.148.970.160</b>	<b>2.037.576.073</b>
Thù lao và thu nhập của HĐQT và BKS	1.433.828.226	1.240.332.083
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	715.141.934	797.243.990

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với bên liên quan chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty cổ phần 199	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	199.080.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Công ty cổ phần 199	Công ty liên kết	Phải trả người bán	838.660.028

**VII. THÔNG TIN KHÁC****Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**


Đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.


**Thông tin so sánh**

Số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – chi nhánh phía Bắc. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 đã được soát xét.



**Phạm Văn Đô**  
**Chủ tịch HĐQT**  
 Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2019

  
**Phan Vũ Thúy Anh**  
**Kế toán trưởng**

  
**Hoàng Thị Thùy Linh**  
**Người lập**

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**  
Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

**Phụ lục 01: Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dùng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số đầu năm	242.673.519.343	136.065.945.884	17.701.842.295	5.364.706.265	6.191.358.127	407.997.371.914
- Mua trong năm	-	2.005.266.795	-	-	-	2.005.266.795
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	2.289.974.518	-	-	-	-	2.289.974.518
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(756.960.000)	-	-	-	(756.960.000)
- Giám khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	244.963.493.861	137.314.252.679	17.701.842.295	5.364.706.265	6.191.358.127	411.535.653.227
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số đầu năm	95.765.000.637	78.758.682.145	9.480.843.706	3.484.697.134	1.177.534.956	188.666.758.578
- Khấu hao trong năm	6.527.476.963	4.494.282.473	566.887.405	489.452.283	-	12.078.099.124
- Thanh lý, nhượng bán	-	(147.186.667)	-	-	-	(147.186.667)
Số cuối kỳ	102.292.477.600	83.105.777.951	10.047.731.111	3.974.149.417	1.177.534.956	200.597.671.035
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số đầu năm	146.908.518.706	57.307.263.739	8.220.998.589	1.880.009.131	5.013.823.171	219.330.613.336
Số cuối kỳ	142.671.016.261	54.208.474.728	7.654.111.184	1.390.556.848	5.013.823.171	210.937.982.192

